

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 334/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 7 – 2026

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quang Minh.

Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 06 và ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 227/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 546/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Kha L, sinh năm 1984 (Xin vắng mặt);

Số căn cước công dân: 096084010759, cấp ngày 18/02/2023;

Địa chỉ: Ấp S, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Số căn cước công dân: 096185009562, cấp ngày 01/4/2025;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Kha L là nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc H chung sống như vợ chồng với nhau vào năm 2005, không có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha, mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Anh, chị không còn sống chung từ đầu năm 2022 cho đến nay. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh L xác định: Anh, chị có ba người con chung tên Nguyễn Kha M, sinh ngày 13/10/2006, Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 23/02/2016, Nguyễn Quốc N, sinh ngày 09/7/2017, hiện cháu M đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu H1, cháu N đang sống với chị H. Khi ly hôn anh L yêu cầu chị H tiếp tục nuôi các con, anh không cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: Anh L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh Ly khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

* Chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L chung sống với nhau vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh, chị bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi thường xuyên. Anh, chị không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Hiện anh L xin ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị H xác định: Anh, chị có ba người con chung tên Nguyễn Kha M, sinh ngày 13/10/2006, Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 23/02/2016, Nguyễn Quốc N, sinh ngày 09/7/2017, hiện cháu M đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu H1, cháu N đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con, 02 con mỗi tháng cấp dưỡng 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của anh Nguyễn Kha L về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; chị H là bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Kha L, chị Nguyễn Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng anh L, chị H, đều xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị H theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Kha L và chị Nguyễn Thị Ngọc H chung sống với nhau như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương. Có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho nên hôn nhân giữa anh, chị không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay anh L, chị H yêu cầu

chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cãi thường xuyên, không tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt. Anh, chị đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2022 đến nay mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn.

Xét mâu thuẫn thực tế của anh L, chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên anh, chị không được công nhận là vợ, chồng.

[4] Về con chung: Anh, chị có ba người con chung tên Nguyễn Kha M, sinh ngày 13/10/2006, Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 23/02/2016, Nguyễn Quốc N, sinh ngày 09/7/2017, hiện cháu M đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H1, cháu N đang sống với chị H.

Xét thấy việc nuôi dạy các con là quyền và nghĩa vụ của anh L và chị H. Giao con cho anh L hoặc chị H trực tiếp nuôi dạy căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con nhưng không phải giao các con cho anh L hay nuôi chị H thì người không trực tiếp nuôi các con bị tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung nhưng việc anh, chị không sống chung đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của các con. Bên cạnh đó, cháu H1 và cháu N đang sống ổn định với chị H và tại biên bản ghi ý kiến của cháu H1 và cháu N thì các cháu muốn tiếp tục ở cùng mẹ, khi cha, mẹ ly hôn. Để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống của các con nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu H1 và cháu N cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con khi ly hôn: Quá trình giải quyết vụ án anh L yêu cầu không cấp dưỡng, chị H yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 01 con, 02 con mỗi tháng anh L cấp dưỡng 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của chị H là nhằm đảm bảo cho cuộc sống của các con được đầy đủ, tốt hơn sau khi cha, mẹ ly hôn và thể hiện được nghĩa vụ, trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với các con. Bên cạnh đó, mức cấp dưỡng mà chị H yêu cầu thấp hơn quy định cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 82, Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận. Buộc anh Nguyễn Kha L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi hai con đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được bản thân. Thời gian cấp dưỡng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, anh L không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi các con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Anh L không trực tiếp nuôi các con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Anh Ly, chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Anh Ly, chị H khai vợ chồng anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con trong vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, Điều 53, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Kha L và chị Nguyễn Thị Ngọc H là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh, chị có ba người con chung tên Nguyễn Kha M, sinh ngày 13/10/2006, Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 23/02/2016, Nguyễn Quốc N, sinh ngày 09/7/2017, hiện cháu M đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao các cháu Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 23/02/2016, Nguyễn Quốc N, sinh ngày 09/7/2017, hiện các cháu đang sống cùng chị H cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Kha L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 23/02/2016, Nguyễn Quốc N, sinh ngày 09/7/2017 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/01con, hai con cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi hai con đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được bản thân. Thời gian cấp dưỡng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, anh Nguyễn Kha L không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi các con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Anh Nguyễn Kha L không trực tiếp nuôi các con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Ly, chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Anh Ly, chị H khai vợ chồng anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Kha L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 12 tháng 3 năm 2026, anh L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0002648 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Kha L phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng, chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 8 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Kha L, chị Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 3 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung